

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15/12/2021
V/v “Ly hôn, t/c về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Minh Quốc

2. Ông Võ Thành Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Thúy – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn: bà Nguyễn Thị Lam Em – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2021/TLST-HNGĐ ngày 13/5/2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 213/2021/QĐ-ST ngày 29/11/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Lê Thị Mỹ T, sinh năm 1997

Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: anh Lê T, sinh năm 1997

Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Nguyên đơn chị T có đơn xin vắng mặt. Bị đơn anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và tờ tự khai, nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ T trình bày:

Qua thời gian tìm hiểu, chị với anh Lê T chính thức chung sống vào năm 2017, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau hai con chung. Thời gian gần đây thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình

không còn phù hợp nên thường xảy ra cự cãi và cuộc sống không còn hạnh phúc. Mặc dù chị đã cố gắng duy trì cuộc sống gia đình để nuôi dạy con cái nhưng không có kết quả. Chị với anh T đã chính thức sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Hiện nay tình cảm không còn, không muốn hàn gắn lại nên chị T yêu cầu giải quyết như sau:

- + Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị Mỹ T xin được ly hôn với anh Lê T.

- + Về quan hệ con chung: có 02 con chung tên Lê Ngọc D sinh ngày 11/6/2018 và Lê Ngọc Msinh ngày 23/7/2020 hiện đang sống với chị T. Sau ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

- + Về tài sản chung và nợ chung: không có.

- Bị đơn anh Lê T: Tòa án đã tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh T nhưng từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay anh T vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của chị T.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- + Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời hạn chuẩn bị xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện tại, nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 như: Xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý và giải quyết theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Quá trình thụ lý Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ khi tiến hành lập hồ sơ vụ án, thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, tổng đạt và niêm yết hợp lệ các thông báo và quyết định, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

- + Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

- + Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên đã từ bỏ quyền của mình.

- + Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: chị T được ly hôn với anh T.

Về con chung: giao cháu Lê Ngọc D sinh ngày 11/6/2018 và Lê Ngọc Msinh ngày 23/7/2020 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét.

Chị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con. Bị đơn anh Lê T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp P, xã A, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn.

[1.2] Nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[1.3] Bị đơn anh Lê T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Chị Lê Thị Mỹ T và anh Lê T chung sống với nhau từ năm 2017 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 39 ngày 17/7/2017. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Xét yêu cầu của chị Lê Thị Mỹ T, thấy: Vợ chồng chị T và anh T đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Theo trình bày của chị T thì thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống không còn hạnh phúc, nhận thấy không thể quay lại sống chung được nữa nên chị xin được ly hôn. Tại biên bản xác minh ngày 17/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn cũng thể hiện, hiện nay chị T và anh T không còn sống chung, chị T đã về nhà cha mẹ ruột sống, anh T đi làm tại Bình Dương và thường xuyên vắng mặt tại địa phương. Trong quá trình giải quyết Tòa án có tiến hành thông báo hòa giải nhằm mục đích động viên, hàn gắn nhưng anh T vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện nguyện vọng muốn được hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị T để xây dựng hạnh phúc gia đình và chăm sóc con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh T không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có đủ căn cứ để áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[2.2] Về quan hệ con chung, thấy: Qua chứng cứ chị T cung cấp thì chị T và anh T có với nhau hai con chung tên Lê Ngọc D sinh ngày 11/6/2018 và Lê Ngọc M sinh ngày 23/7/2020. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, trong quá trình giải quyết phía anh T cũng không có văn bản nào thể hiện muốn được chăm sóc nuôi dưỡng con. Xét thấy, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho các con, căn cứ vào điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung Ngọc Diệp và Ngọc Mai cho chị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: không có.

[3] Từ những phân tích trên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn là phù hợp.

[4] Về án phí: chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 điều 28, điều 35, điều 39, khoản 4 điều 147, điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 1, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 điều 9, điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 và điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mỹ T.

- Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị Mỹ T được ly hôn với anh Lê T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 39 ngày 17/7/2017 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung:

Chị Lê Thị Mỹ T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung Lê Ngọc D sinh ngày 11/6/2018 và Lê Ngọc M sinh ngày 23/7/2020.

Anh Lê T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T phải tạo điều kiện cho anh T được quyền đến thăm nom con, không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có. Tuy nhiên sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị Lê Thị Mỹ T và anh Lê T phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

2. Về án phí: chị Lê Thị Mỹ T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008399 ngày 13/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang nên đã nộp xong.

Chị Lê Thị Mỹ T và anh Lê T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã (thị trấn) nơi cư trú để yêu cầu xem xét phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKS huyện Thoại Sơn;
- Chi Cục THADS huyện Thoại Sơn;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoài Lâm